

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2020/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 20 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nùng Văn C, sinh năm 1993.

Bị đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1996.

Đều trú tại: Bản Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nùng Văn C và chị Lò Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nùng Văn C và chị Lò Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nùng Văn C và chị Lò Thị L có một con chung tên là Nùng Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2013. Anh Nùng Văn C và Chị Lò Thị L thỏa thuận như sau:

Giao cho chị Lò Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nùng Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nùng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nùng Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2013 mỗi tháng 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Nùng Thị Ngọc A thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

- Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng.

- Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 25/02/2020 cho đến khi cháu Nùng Thị Ngọc A thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị L. Chị L có quyền yêu cầu anh C cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Nùng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Nùng Văn C và chị Lò Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Nùng Văn C và chị Lò Thị L mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Anh C phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để anh C nộp thay chị L số tiền án phí mà chị L phải nộp. Xác nhận anh C đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0000153 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TA tỉnh;*
- *VKS huyện TU;*
- *THA huyện TU;*
- *Chi cục THA dân sự huyện*
- *UBND xã Mường Than;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương